

Số: 26/2018/QĐST-HNGĐ

Tủa Chùa, ngày 13 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: chị Giàng Thị C – Sinh năm 1992

- Bị đơn: anh Vừ A M – Sinh năm 1990

Cùng trú tại: thôn H, xã HS, huyện T, tỉnh Điện Biên

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng chính sách xã hội Việt nam – Đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn S - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Điện Biên; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

+ ông Vừ A T – Sinh năm: 1974

+ bà Giàng Thị L - Sinh năm: 1975

+ anh Vừ A S – Sinh năm 1991

+ ông Vừ Bìa P – Sinh năm 1968

Cùng trú tại: Thôn H, xã HS, huyện T, tỉnh Điện Biên

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, khoản 2 điều 81, điều 82, điều 37, điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ các Điều 213, 219, 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Giàng Thị C và anh Vừ A M

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Giao cháu Vừ Thị S (SN 28/7/2012) cho chị Giàng Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Giao cháu Vừ Thị Ch (SN 29/8/2011) cho anh Vừ A M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con

2.2. Về chia tài sản chung:

- Chia cho anh Vừ A M các tài sản bằng hiện vật gồm:

+ 01 ngôi nhà gỗ 04 gian, vách gỗ, lợp ngói Broximang, có chiều dài 10m, chiều rộng 05m, dựng trên đất mượn của ông Vừ A T và bà Giàng Thị L tại thôn HL, xã HSo, huyện T.

+ 01 con trâu cái 05 tuổi lông màu đen

+ 01 con trâu đực 05 tháng tuổi lông màu đen

+ 01 chiếc xe máy YAMAHA – nhãn hiệu SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 27Z1-17120, giấy đăng ký xe mang tên Vừ A T (là bố đẻ của anh Vừ A M).

+ 03 con gà, trong đó có 02 con gà trống mỗi con có khối lượng 1,6kg, 01 con gà mái có khối lượng 1,2kg.

+ 01 nương sắn tại thôn H, xã HS (chỉ tính số lượng sắn trên nương khi thu hoạch, đất sử dụng trồng sắn các bên nhất trí trả lại cho ông Vừ A T và bà Giàng Thị L)

- Chia cho chị Giàng Thị C các tài sản bằng hiện vật gồm:

+ 01 ngôi nhà gỗ 04 gian, vách gỗ, lợp ngói Broximang, có chiều dài 09m, chiều rộng 04m, dựng trên đất mượn của ông Vừ A T và bà Giàng Thị L tại thôn H, xã HS, huyện T. Chị C có trách nhiệm tháo dỡ di chuyển ngôi nhà để trả lại đất cho ông Vừ A T và bà Giàng Thị L.

+ 02 con gà mái mỗi con có khối lượng 1,2kg.

- Nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch về tài sản được chia:

Anh Vừ A M có trách nhiệm trả cho chị Giàng Thị C giá trị chênh lệch về tài sản là: 13.000.000đ (mười ba triệu đồng), thời hạn trả tiền vào ngày 20/3/2019.

2.3. Về các khoản nợ phải thu, nợ phải trả:

- Các bên nhất trí khoản tiền 40.000.000đ ông Vừ Bì P vay nợ hai vợ chồng các bên đã thanh toán xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

- anh Vừ A S vay nợ hai vợ chồng số tiền 5.000.000đ, các bên thỏa thuận anh S có trách nhiệm trả cho nguyên đơn và bị đơn mỗi người 2.500.000đ, thời hạn trả vào ngày 25/01/2019.

- Về nợ Ngân hàng CSXH huyện Tủa chùa số tiền 40.000.000đ, các bên nhất trí: Hai vợ chồng có nghĩa vụ liên đới cùng trả, anh Vừ A M có trách nhiệm trả 24.000.000đ nợ gốc cùng lãi phát sinh khi đến hạn, chị Giàng Thị C có trách nhiệm trả 16.000.000đ nợ gốc cùng lãi phát sinh khi đến hạn.

Kể từ ngày có quyết định thi hành án nếu người có nghĩa vụ không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự

2.4. Về án phí DSST: Các đương sự được miễn toàn bộ án phí DSST do là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã HS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC
Thẩm phán

(đã ký)

Trương Anh Tuấn